

TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN CÁI BÈ  
TỈNH TIỀN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 49/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 31-01-2024

“V/v tranh chấp xin ly hôn”

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÁI BÈ, TỈNH TIỀN GIANG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:** Ông Nguyễn Thanh Vũ

**Các Hội thẩm nhân dân:**

1. Ông Đỗ Duy Hùng

2. Ông Nguyễn Văn Tám

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Cao Trần Khắc Huy là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang không tham gia phiên tòa.**

Ngày 31 tháng 01 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cái Bè xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 782/2023/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 12 năm 2023 về “tranh chấp xin ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2024/QĐXX-ST ngày 16 tháng 01 năm 2024 giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Bà Võ Thị Út E sinh năm: 1969

Địa chỉ: ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Tiền Giang

2. **Bị đơn:** Ông Lê Văn Đ sinh năm: 1963

Địa chỉ: ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Tiền Giang

(Các đương sự có mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Tại đơn khởi kiện xin ly hôn đề ngày 13 tháng 12 năm 2023 và trong quá trình xét xử nguyên đơn là bà Võ Thị Út E trình bày: Bà và ông Lê Văn Đ tự nguyện xác lập quan hệ vợ chồng với nhau vào năm 1991, không có đăng ký kết hôn. Vợ chồng bà sống hạnh phúc đến tháng 01 năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do ông Đ phát ngôn có những lời lẽ xúc phạm danh dự, nhân phẩm bà, bạo hành với bà và con nhiều lần nên bà và ông Đ đã sống ly thân với nhau từ đó đến nay không có hàn gắn tình cảm. Nay bà xác định không còn tình cảm với ông Đ nên yêu cầu được ly hôn. Về con chung: vợ chồng có 03 con chung tên Lê Thị Kim T, sinh năm 1994; Lê Thị Kim Th, sinh năm 1996; Lê Nhựt T, sinh năm 2004 đều đã trưởng thành nên bà không yêu cầu gì. Về tài sản chung và nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Tại phiên tòa bị đơn là ông Lê Văn Đ trình bày:* Ông và bà Võ Thị Út E tự nguyện xác lập quan hệ vợ chồng với nhau vào năm 1991, không có đăng ký kết hôn. Nay ông vẫn còn tình cảm với bà E nên không đồng ý ly hôn. Về con chung: vợ chồng có 03 con chung như bà E trình bày đều đã trưởng thành nên ông không có yêu cầu gì. Về tài sản chung và nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa các đương sự vẫn giữ nguyên ý kiến, yêu cầu như trên.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Bà Võ Thị Út E khởi kiện ông Lê Văn Đ về việc xin ly hôn. Ông Đ cư trú tại ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Tiền Giang. Do đó, Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền quy định tại Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Võ Thị Út E và ông Lê Văn Đ chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1991. Trong quá trình chung sống bà E xác định vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn do ông Đ phát ngôn có những lời lẽ xúc phạm danh dự, nhân phẩm bà, bạo hành với bà và con nhiều lần nên bà E yêu cầu ly hôn ông Đ. Ông Đ không đồng ý ly hôn vì còn tình cảm với bà E. Xét thấy, bà E và ông Đ chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1991 nhưng không có đăng ký kết hôn, có xác nhận của chính quyền địa phương. Tuy bà E và ông Đ có đủ điều kiện để đăng ký kết hôn nhưng ông bà không thực hiện việc đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền là vi phạm theo quy định tại Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Do đó, quan hệ vợ chồng giữa bà E và ông Đ không được pháp luật thừa nhận nên không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Hội đồng xét xử xét thấy, cần tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà E và ông Đ là phù hợp điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về con chung: Bà E và ông Đ có 03 con chung tên Lê Thị Kim T, sinh năm 1994; Lê Thị Kim Th, sinh năm 1996; Lê Nhựt T, sinh năm 2004 đều đã trưởng thành; bà E, ông Đ không yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Bà E, ông Đ không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào các Điều 9, 14, 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

**Xử:**

1. Về hôn nhân: Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Võ Thị Út E và ông Lê Văn Đ.

2. Về con chung, tài sản chung, nợ chung: không đặt ra xem xét giải quyết

3. Về án phí: Bà Võ Thị Út E phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0014773 ngày 25 tháng 12 năm 2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Tiền Giang; bà E đã nộp đủ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nơi nhận:**

- VKSND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**Nguyễn Thanh Vũ**



















